

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011) quy định về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài (YTNN) tại Chương XXXV (từ Điều 410 đến Điều 413), nhưng Bộ luật còn nhiều tồn tại, hạn chế như: vẫn còn quy định khó hiểu, có quy định chồng chéo, có quy định được các Luật chuyên ngành quy định nhưng BLTTDS chưa đề cập...

Về tương trợ tư pháp thì Nhà nước Việt Nam cũng đã ký kết 19 hiệp định tương trợ tư pháp (HĐTTTP), thỏa thuận tương trợ tư pháp và 01 Nghị định thư bổ sung HĐTTTP với các quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó một số hiệp định cũng có đề cập đến vấn đề thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN. Tuy nhiên, những quy định của các HĐTTTP nêu trên quy định về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN còn ít ỏi, có quy định hiểu khác nhau, nên áp dụng những quy định đó còn nhiều bất cập, lúng túng.

Vì vậy, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài "*Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài*" làm luận án tiến sĩ luật học.

### 2. Mục tiêu và nhiệm vụ của luận án

Đây là luận án tiến sĩ luật học ở Việt Nam nghiên cứu tổng hợp và toàn diện về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN. Những kết quả khoa học của luận án sẽ góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về tư pháp quốc tế (TPQT) Việt Nam; mục tiêu nghiên cứu chính của luận án là:

(1) Góp phần nâng cao tri thức lý luận chuyên sâu về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự trong TPQT Việt Nam;

(2) Làm sáng tỏ những thành tựu, sự tiến bộ, hiện đại cũng như nêu ra những bất cập của những quy định pháp luật hiện hành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN;

(3) Góp phần vào việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN trong hệ thống TPQT của Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, luận án có các nhiệm vụ nghiên cứu chính sau đây:

(1) Nghiên cứu tổng thể và toàn diện các vấn đề lý luận và quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN trong mối liên hệ so sánh với pháp luật một số nước trên thế giới.

(2) Đánh giá thực trạng pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN ở cả khía cạnh kỹ thuật lập pháp và thực tiễn thực thi pháp luật, từ đó xây dựng phương hướng và giải pháp cụ thể hoàn thiện chế định này phù hợp với yêu cầu đặt ra từ chiến lược cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Luận án tiến sĩ Luật học với đề tài "*Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài*" là công trình ở Việt Nam nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về đề tài này, trên cơ sở tham khảo, kế thừa kết quả nghiên cứu đã có đồng thời thể hiện kết quả nghiên cứu và những quan điểm, lập luận mới về các nội dung nghiên cứu.

### 3. Phạm vi nghiên cứu của luận án

Đề tài luận án có phạm vi nghiên cứu rộng. Để phù hợp với khuôn khổ của luận án tiến sĩ luật học, tác giả xác định phạm vi nghiên cứu của luận án là tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN, bao gồm các vấn đề lý luận chung cơ bản, thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, những vướng mắc, bất cập và các giải pháp bổ sung, hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ một luận án tiến sĩ với giới hạn về số trang tối đa, tác giả không thể đề cập và giải quyết tất cả những vấn đề, nội dung có liên quan đến thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN mà chỉ tập trung trình bày những nội dung cơ bản về mặt lý luận

cũng như chọn lọc một số vấn đề trong thực tiễn xây dựng, thực thi pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN. Luận án không chú trọng đi sâu trình bày kinh nghiệm lập pháp, thực tiễn pháp luật nước ngoài, mà chỉ đề cập đến nội dung này nhằm tạo mối liên hệ so sánh giữa pháp luật Việt Nam với một số nước ngoài điển hình. Đồng thời, do lĩnh vực quan hệ dân sự có YTNN có phạm vi rất rộng về mặt nội dung (bao gồm các lĩnh vực quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình, thương mại, lao động - theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành có tới hơn 40 nhóm quan hệ cụ thể) nên luận án không thể đề cập, phân tích đầy đủ tất cả các nhóm quan hệ dân sự có YTNN.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

*- Phương pháp nghiên cứu*

Phương pháp duy vật lịch sử và phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các phương pháp như: phân tích, hệ thống hóa, so sánh, tổng hợp là các phương pháp được sử dụng; đồng thời nghiên cứu trên cơ sở các chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp, xây dựng hệ thống pháp luật trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

*- Phương pháp cụ thể*

Tác giả chủ yếu sử dụng các phương pháp so sánh, phân tích, hệ thống hóa và tổng hợp để giải quyết từng vấn đề trong nội dung luận án, cụ thể:

*Thứ nhất*, phương pháp phân tích được sử dụng để làm rõ các vấn đề lý luận được giải quyết trong luận án.

*Thứ hai*, phương pháp phân tích và phương pháp hệ thống hóa được sử dụng để làm rõ và tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN trong mối quan hệ với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, các cam kết quốc tế của Việt Nam đối với các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như pháp luật của một số nước.

*Thứ ba*, phương pháp so sánh được sử dụng để tìm ra sự giống nhau, khác nhau giữa những quy định của điều ước quốc tế, của pháp luật một số nước ngoài với quy định của pháp luật Việt Nam để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu.

*Thứ tư*, phương pháp tổng hợp được sử dụng để rút ra những kết luận đối với từng vấn đề mà luận án đã phân tích, làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN nói riêng và TPQT của Việt Nam nói chung.

#### **5. Những đóng góp mới của luận án**

*Một là*, bổ sung kết quả nghiên cứu mới so với nhiều công trình khoa học đã có trước đây về thẩm quyền của Tòa án trong TPQT Việt Nam qua đó góp phần làm phong phú hơn tri thức của TPQT Việt Nam, cụ thể là:

- Lịch sử hình thành, phát triển của pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN;

- Những vấn đề lý luận về thẩm quyền của Tòa án trong tố tụng dân sự quốc tế nói riêng và tố tụng dân sự nói chung.

- Thực tiễn quy định của pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN; những vướng mắc, bất cập.

- Làm rõ những ưu điểm, nhược điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật hiện hành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả điều chỉnh trong thực tiễn.

*Hai là*, góp phần giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn trên giác độ khoa học pháp lý nhằm phục vụ cho hoạt động lập pháp trong quá trình nghiên cứu, xây dựng và ban hành đạo luật chuyên biệt về TPQT của Việt Nam nói riêng cũng như hoạt động pháp điển hóa TPQT Việt Nam nói chung.

*Ba là*, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác chuyên môn của hệ thống Tòa án nhân dân (TAND) - nơi tác giả công tác - trong lĩnh vực giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN và khoa học xét xử.

Đồng thời, luận án cũng có thể được sử dụng phục vụ cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu tại các Viện, Trường và các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam.

#### **6. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm 4 chương:

*Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

*Chương 2:* Những vấn đề lý luận cơ bản về thẩm quyền của tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

*Chương 3:* Pháp luật hiện hành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và thực tiễn áp dụng.

*Chương 4:* Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

#### **1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án**

##### **1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài và trong nước**

*Thứ nhất,* một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài.

Đáng chú ý là: Adrian Briggs (2002), *The Conflict Of Law*, Oxford University Press; J.G.Collier (2001), *Conflict Of Law*, 3<sup>rd</sup>ed., Cambridge University Press, Cambridge; Richard Fentiman, *International Commercial Litigation*, Oxford Private International Law Series, 2010; Faye Fangfei Wang (2010), *Internet Jurisdiction and Choice of Law: Legal Practices*; CMV.Clarkson and Jonathan Hill (2002), *Jaffey on the Conflict of Laws*, second edit, Butter worths Lexis Nexis TM...

*Thứ hai,* các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

- Về giáo trình: Một số giáo trình về TPQT là: Trường Đại học Luật Hà Nội (1997, 2000, 2006), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, (TS.Bùi Xuân Nhự - Chủ biên), NXB Công an nhân dân, Hà Nội; Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, (TS.Bùi Xuân Nhự, chủ biên), NXB Tư

pháp, Hà Nội 2012; Khoa Luật (Đại học Quốc gia Hà Nội) (1997, 2001, 2013), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, (PGS.TS. Nguyễn Bá Diễn, chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội....

- Về luận án tiến sĩ, luận văn cao học nghiên cứu về thẩm quyền của Tòa án trong tố tụng dân sự hoặc tố tụng dân sự quốc tế ở các cơ sở đào tạo luật: Luận án tiến sĩ Luật học của tác giả Lê Thị Hà (2003), *Phân cấp thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự trong hệ thống Tòa án ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Trường Đại học Luật Hà Nội; Đồng Thị Kim Thoa (2004), *Thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài trong pháp luật Việt Nam và Thụy Điển - nhìn từ phương pháp tiếp cận so sánh*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học luật Hà Nội - Đại học Lund (Thụy Điển)...

- Về một số bài viết khoa học: Nguyễn Trung Tín (2004), "*Thẩm quyền của tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (3), tr. 37-43; Nguyễn Bá Bình (2008), "*Việc xác định thẩm quyền giải quyết và luật áp dụng đối với hợp đồng*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (5), tr. 9-15; Thái Công Khanh (2006), "*Bàn về thẩm quyền của tòa án giải quyết các vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài*", Tạp chí TAND, (5), tr.20-23...

Ngoài ra, nhiều bài báo, đề tài khoa học, kỷ yếu hội thảo của Bộ Tư pháp, các trường Đại học chuyên ngành luật, TANDTC, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Liên đoàn Luật sư Việt Nam ... cũng ít nhiều đề cập đến thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN.

##### **1.1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

###### **1.1.2.1. Các vấn đề đã được giải quyết**

Các công trình khoa học công bố ở nước ngoài và trong nước như nêu trên và cả các công trình có liên quan chưa được đề cập đã phần nào thể hiện nội dung liên quan đến Luận án; tựu trung là: i) Những vấn đề lý luận cơ bản về thẩm quyền và giải quyết xung đột thẩm quyền trong TPQT. ii) Pháp luật quốc tế và một số khu vực ở các châu lục trong đó có các quy định chuyên biệt về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN; iii) Thực tiễn

TPQT trong lĩnh vực dân sự. iv) Các luận điểm khoa học pháp lý về việc xây dựng, hoàn thiện phân định thẩm quyền, giải quyết xung đột thẩm quyền trong TPQT.

#### *1.1.2.2. Các vấn đề còn tồn tại, hạn chế*

*Một là*, các công trình khoa học ở nước ngoài hầu hết không trực tiếp nghiên cứu về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam. *Hai là*, các công trình khoa học về TPQT ở Việt Nam chỉ giải quyết được phần nào các nội dung lý luận và thực tiễn. *Ba là*, những điểm hạn chế nổi bật: i) Chưa nghiên cứu sâu, toàn diện và có hệ thống về quá trình hình thành, phát triển pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN. ii) Chưa nêu được sâu về thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN; những vướng mắc, bất cập. iii) Chưa đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN.

#### **1.2. Yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

- Đảng ta chú trọng đến phát triển pháp luật hội nhập quốc tế, có nhiều văn bản, nghị quyết của Đảng chỉ đạo về việc hội nhập quốc tế.

- Sự phát triển của nền kinh tế thị trường và sự phát triển nhanh chóng của các giao lưu dân sự có YTNN đòi hỏi pháp luật phải có sự thay đổi.

- Sự thiếu đồng bộ giữa BLTTDS và các văn bản pháp luật khác.

- Những quy định của BLTTDS năm 2004 về thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN ngay từ khi ban hành đã chứa đựng những yếu tố không hợp lý.

- Việc chưa hòa nhập của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam với pháp luật nước ngoài.

#### ***Kết luận chương 1***

Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN đã có nhiều công trình khoa học ở nước ngoài và trong nước nghiên cứu ở các góc độ khác nhau, nhưng chưa có công trình khoa học pháp lý nào - đặc biệt là luận án tiến sĩ - nghiên cứu tổng thể, toàn diện chuyên sâu vấn đề này ở cả góc độ lý luận và thực tiễn.

## ***Chương 2***

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

#### **2.1. Khái niệm thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

BLTTDS chưa có định nghĩa về vụ án dân sự. Tác giả cho rằng, *vụ án dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức có tranh chấp về tài sản, nhân thân, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động có yêu cầu Tòa án giải quyết, đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật (hoặc được miễn nộp tạm ứng án phí) và Tòa án đã thụ lý.*

Trong khi đó, việc dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức không có tranh chấp, nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự (Điều 311 BLTTDS). Ở việc dân sự thì người yêu cầu phải nộp tiền tạm ứng lệ phí cho Tòa án thì Tòa án mới thụ lý việc dân sự (trừ trường hợp được miễn nộp). Với quy định tại Điều 311 BLTTDS có thiếu sót chưa nêu vấn đề này và tác giả sẽ có đề xuất ở Chương 4.

Tác giả cho rằng, *thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN là tổng hợp các quyền mà Tòa án Việt Nam được giải quyết vụ việc dân sự có YTNN và ra quyết định đối với các vấn đề pháp lý của vụ việc theo thủ tục tố tụng dân sự do pháp luật Việt Nam quy định.*

#### **2.2. Xung đột thẩm quyền của tòa án trong giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, mối quan hệ giữa tòa án và trọng tài trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

##### **2.2.1. Xung đột thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

Là hiện tượng Tòa án các nước đều cùng có thẩm quyền đối với một tranh chấp dân sự có YTNN. Hệ quả của hiện tượng này nếu không được giải quyết là khả năng các Tòa án của các nước khác nhau cùng giải quyết

một vụ việc và có thể có những phán quyết khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Kể cả trong trường hợp các quốc gia có ký kết điều ước quốc tế với nhau thì xung đột thẩm quyền của Tòa án vẫn có thể phát sinh.

### **2.2.2 Mỗi quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

Mối quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài thể hiện qua những nội dung cơ bản sau: i) Tòa án hỗ trợ thi hành thỏa thuận trọng tài; ii) Tòa án hỗ trợ thành lập Hội đồng Trọng tài; iii) Tòa án giải quyết khiếu nại quyết định của Hội đồng Trọng tài về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài; iv) Tòa án quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; v) Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu chứng cứ; vi) Tòa án hỗ trợ thi hành quyết định trọng tài; vii) Hủy quyết định trọng tài; viii) Công nhận và thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

### **2.3. Ý nghĩa, các tiêu chí, phương pháp, nguyên tắc cơ bản của việc xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

Xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN có các ý nghĩa như: *Thứ nhất*, giúp các đương sự xác định được cơ quan tư pháp có thẩm quyền giải quyết. *Thứ hai*, xác định pháp luật tố tụng được áp dụng. *Thứ ba*, góp phần khẳng định chủ quyền quốc gia của Việt Nam trong TPQT. *Thứ tư*, xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN có mối liên hệ mật thiết với các yếu tố đặc thù khác như áp dụng pháp luật nước ngoài, tương trợ TPQT.

Xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTN dựa trên các tiêu chí sau đây: *Thứ nhất*, việc xác định thẩm quyền của Tòa án theo tiêu chí quốc tịch của đương sự; *Thứ hai*, tiêu chí mối liên hệ của vụ việc đối với lãnh thổ quốc gia có Tòa án; *Thứ ba*, tiêu chí sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Có hai phương pháp để xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với việc giải quyết các vụ việc dân sự có YTN: *Một là*, vừa xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia vừa xác định thẩm quyền của Tòa án nước khác có liên quan; *hai là*, xác định vụ việc dân sự có YTN chỉ thuộc thẩm quyền

của Tòa án một quốc gia mà không đề cập đến thẩm quyền giải quyết của Tòa án nước ngoài.

Nguyên tắc cơ bản xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN: *Thứ nhất*, nguyên tắc bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia; *Thứ hai*, nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; *Thứ ba*, nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án của các đương sự; *Thứ tư*, nguyên tắc Luật quốc gia có Tòa án (*lex fori*).

### **2.4. Sự hình thành, phát triển của pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

Trong giai đoạn từ 1945 đến 1956, các quy định liên quan đến giải quyết vụ việc dân sự cũng rất mờ nhạt và thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN chưa được quy định.

Giai đoạn từ năm 1956 đến năm 1975 ở miền Bắc: TANDTC ban hành Thông tư số 11-TATC ngày 12/7/1974 và Thông tư số 09-TATC ngày 28/6/1974 hướng dẫn thẩm quyền giải quyết các vụ ly hôn... Ở miền Nam: các văn bản đáng lưu ý như Pháp quy giản yếu (1883), Luật Gia đình năm 1959, Sắc luật số 15/64, Bộ dân luật năm 1972 được ban hành, trong đó có Điều 125 quy định về quan hệ hôn nhân có YTN.

Từ năm 1976 đến năm 1988 Nhà nước TA ký kết 06 HĐTTTP với các nước có đề cập đến lĩnh vực dân sự, đó là: HĐTTTP với Đức, Liên bang Xô Viết, Tiệp khắc, Cu Ba, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri. Các văn bản pháp luật trong nước: Luật Tổ chức TAND năm 1981 có quy định về thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh giải quyết các vụ việc dân sự có YTN. Ngày 30/12/1986, TANDTC - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên ngành số 06/TT-LN hướng dẫn về thẩm quyền và thủ tục giải quyết những việc ly hôn giữa các công dân Việt Nam mà một bên ở nước chưa có HĐTTTP về các vấn đề hôn nhân gia đình với nước ta. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có một chương riêng (chương 9 gồm ba điều Điều 52, 53, 54) về "Quan hệ hôn nhân và gia đình của công dân Việt Nam với người nước ngoài".

Từ năm 1989 đến năm 2003, Nhà nước ta ký kết 09 HĐTTTP và 01 Nghị định thư bổ sung HĐTTTP với các nước có đề cập đến lĩnh vực dân sự; cụ thể là: HĐTTTP với Ba Lan, Lào, Liên bang Nga, Trung Quốc, Pháp, Ucraina,

Bêlarút, Mông Cổ, Triều Tiên; Nghị định thư bổ sung HĐTTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự với Nga. Trong giai đoạn này đã xuất hiện xu thế mới là nội dung của một số HĐTTTP cũng không còn rộng, ví dụ ký HĐTTTP riêng lĩnh vực dân sự (với Pháp). Về các văn bản pháp luật trong nước: Theo Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, Tòa án cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới có quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với các vụ án dân sự có YTNN. TANDTC trong trường hợp đặc biệt có thể giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đồng thời là chung thẩm, nhưng chưa có hướng dẫn về "trường hợp đặc biệt" và TANDTC cũng chưa xét xử vụ án nào theo thủ tục sơ thẩm đồng thời chung thẩm. Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài năm 1993, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài năm 1993, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài năm 1995 là các văn bản pháp luật quan trọng trong lĩnh vực TPQT. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì việc giải quyết về hôn nhân gia đình có YTNN thuộc thẩm quyền của TAND cấp tỉnh; TAND cấp huyện giải quyết việc hôn nhân gia đình giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng.

Trong giai đoạn từ năm 2004 đến nay, Nhà nước ta ký kết 04 HĐTTTP, thỏa thuận tương trợ tư pháp với các quốc gia và vùng lãnh thổ có đề cập đến lĩnh vực dân sự, cụ thể là: HĐTTTP với Angiêri, Kazakhstan, Cam Pu Chia; Thỏa thuận giữa Văn phòng kinh tế và văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng kinh tế và văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam về tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự. Với BLTTDS năm 2004, thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ án dân sự có YTNN được quy định một cách tương đối toàn diện, đầy đủ hơn. Sau khi BLTTDS năm 2004 có hiệu lực, một số văn bản pháp luật chuyên biệt cũng được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Một trong những điểm mới đáng kể là việc mở rộng thẩm quyền của TAND cấp huyện trong việc giải quyết các vụ việc có YTNN.

Năm 2013, khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành, nhiều đạo luật đã được sửa đổi, bổ sung như Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm

2014, Luật Hộ tịch năm 2014, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Tổ chức TAND năm 2014, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014..., hệ thống pháp luật về tư pháp đã được hoàn thiện thêm một bước.

### ***Kết luận chương 2***

Tác giả luận án đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng hợp các quan điểm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, các quy phạm pháp luật hiện hành; từ đó, đưa ra các khái niệm về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự có YTNN; làm rõ xung đột về thẩm quyền trong giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN, ý nghĩa, nguyên tắc xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN... Luận án cũng trình bày khái quát sự hình thành, phát triển về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN qua các thời kỳ.

### ***Chương 3***

## **PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG**

### **3.1. Tổng quan pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

Việt Nam gia nhập Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài, Công ước năm 1965 về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư quốc tế và một số công ước quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại quốc tế. Từ năm 1980 đến năm 2013, Nhà nước Việt Nam đã ký kết được 19 Hiệp định, thỏa thuận tương trợ tư pháp và 01 Nghị định thư bổ sung HĐTTTP và pháp lý đề cập đến vấn đề dân sự. Các HĐTTTP về cơ bản quy định thẩm quyền của Tòa án có nhiều điểm giống nhau nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Có những vấn đề hoặc quy định có trong tất cả các Hiệp định, nhưng cũng có vấn đề hoặc quy định chỉ được đề cập tại một hoặc một số Hiệp định. Không phải tất cả các Hiệp định đều có quy định để loại trừ hãn tranh chấp về thẩm quyền vì trong nhiều Hiệp định vẫn

có quy định đối với vụ việc có cùng các bên đương sự và cùng một nội dung nhưng cơ quan tư pháp của cả hai nước đều có thẩm quyền giải quyết.

Về pháp luật quốc gia: sau khi BLTTDS năm 2004 có hiệu lực, một loạt văn bản pháp luật chuyên biệt điều chỉnh một số lĩnh vực của quan hệ dân sự có YTNN cũng được sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới. Các quy định trực tiếp hoặc liên quan về thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN nổi bật là BLTTDS năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 (chương XXXV) và các văn bản pháp luật chuyên ngành như: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 123); Luật Đầu tư năm 2014 (Điều 14); Bộ luật Hàng hải năm 2005 (Điều 4; Điều 259; Điều 260); Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 (Điều 172 và Điều 185); Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Điều 3)...

### **3.2. Quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

#### **3.2.1. Theo các Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và các nước**

Năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự tuân theo pháp luật của nước ký kết mà cá nhân đó là công dân. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân tuân theo pháp luật của nước ký kết nơi pháp nhân đó được thành lập (Điều 17 HĐTTTP Việt Nam - Lào; Điều 19 HĐTTTP Việt Nam - Nga)...

Tranh chấp liên quan đến quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án của nước ký kết nơi cả hai vợ chồng đều là công dân (cùng quốc tịch, khác nơi cư trú), hoặc nơi đều cùng thường trú (cư trú) cuối cùng (khác quốc tịch, cùng nơi cư trú) (Điều 19 HĐTTTP Việt Nam - Tiệp Khắc).

Tranh chấp liên quan đến hợp đồng, nếu không có sự thỏa thuận chọn Tòa án của các bên thì thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nơi bị đơn thường trú hoặc có trụ sở, nơi nguyên đơn thường trú hoặc có trụ sở nếu tại lãnh thổ nước này có đối tượng tranh chấp hoặc tài sản của bị đơn (HĐTTTP Việt Nam - Liên bang Nga); nơi người gây hại và người bị thiệt hại đều là công dân (Điều 38 HĐTTTP Việt Nam - Ba Lan)...

Tranh chấp về thừa kế: Tòa án nơi người có di sản là công dân hoặc nơi có toàn bộ tài sản của người chết mà các bên thỏa thuận (đối với tài sản thừa

kế là động sản), nơi có bất động sản (đối với tài sản thừa kế là bất động sản) (Điều 37 HĐTTTP Việt Nam - Cu Ba...). Tòa án của nước có động sản thừa kế nếu tất cả những người thừa kế được biết khác đều thỏa thuận (Điều 38 HĐTTTP Việt Nam - Tiệp Khắc).

Tranh chấp quan hệ lao động: Thẩm quyền thuộc về Tòa án nơi công việc đã, đang hoặc cần thực hiện hoặc nơi thường trú của đương sự được áp dụng (Điều 44 HĐTTTP Việt Nam - Nga; Điều 40 HĐTTTP Việt Nam - Ucraina) hoặc nơi do các bên lựa chọn (Điều 40 Điều 40 HĐTTTP Việt Nam - Ucraina).

#### **3.2.2. Theo quy định của pháp luật Việt Nam**

BLTTDS năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) có 09 điều luật điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong việc giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN (Điều 405 - Điều 413). Các đạo luật chuyên ngành cũng có quy định riêng biệt về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN, điển hình là: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 123), Bộ luật Hàng hải năm 2005 (Điều 4), Điều 260, Luật Đầu tư năm 2014 (Điều 14), Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 (Điều 172 và Điều 185). Bên cạnh các quy tắc xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam theo các Điều 410, Điều 411, tại Điều 413 của BLTTDS quy định về trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp đã có Tòa án nước ngoài giải quyết. Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN được quy định từ Điều 410 đến Điều 413 BLTTDS. Khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá có một số vấn đề sau đây:

Về kỹ thuật lập pháp: *Thứ nhất*, các thuật ngữ được sử dụng là nguyên đơn, bị đơn, các bên đương sự có thể thấy là Điều 410 BLTTDS phần lớn chỉ đề cập các chủ thể của vụ án dân sự. *Thứ hai*, còn có hạn chế trong việc sử dụng các phương pháp quy dẫn và liệt kê. *Thứ ba*, về phương pháp quy dẫn trong khoản 1 Điều 410 có hai cách hiểu và vận dụng khác nhau.

Về các quy định pháp luật cụ thể và những vấn đề bất cập, hạn chế từ thực tiễn áp dụng:

*Thứ nhất*, theo khoản 1 Điều 410 có bất cập, vướng mắc trong kỹ thuật lập pháp về phương pháp quy dẫn. Đồng thời, có một số quy định tại luật

chuyên ngành về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN lại chưa được khoản 1 Điều 410 đề cập; ví dụ quy định tại khoản 3 Điều 260 Bộ luật Hàng hải năm 2005...

*Thứ hai, điểm a khoản 2 Điều 410 quy định Tòa án có thẩm quyền khi "Bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc bị đơn có cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam" thì nếu nguyên đơn là tổ chức, cá nhân nước ngoài ở Việt Nam thì vụ việc sẽ có thể không có mối liên hệ với Việt Nam. Mặt khác, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài không thể bị khởi kiện với tư cách bị đơn.*

*Thứ ba, vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật Việt Nam hoặc xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng có ít nhất một trong các bên đương sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài (điểm d khoản 2 Điều 410):* Căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ dân sự: (1) theo pháp luật Việt Nam hoặc (2) xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam là những căn cứ phức tạp và cũng là căn cứ khó xác định, có các cách hiểu khác nhau. Việc xác định thế nào là "xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam" trong trường hợp vụ việc dân sự cần điều chỉnh chỉ có một giai đoạn được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam cũng khó khăn cho việc áp dụng.

*Thứ tư, Tòa án có thẩm quyền trong trường hợp "Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn cư trú tại Việt Nam" (điểm đ khoản 2 Điều 410):* Do nơi cư trú chỉ dành cho cá nhân nên có hai quan điểm khác nhau: (1) Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền và (2) Tòa án Việt Nam có thẩm quyền.

*Thứ năm, "Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng mà việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam" (điểm e khoản 2 Điều 410):* Tính hợp lý của quy định Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp không liên quan đến Việt Nam (ví dụ tranh chấp hình thức hợp đồng thông lệ chung được xác định theo pháp luật nơi giao kết hợp đồng); trường

hợp hợp đồng chỉ thực hiện một phần trên lãnh thổ Việt Nam thì Tòa án Việt Nam có giải quyết tranh chấp đối với phần hợp đồng không được thực hiện tại Việt Nam hay không.

*Thứ sáu, "Vụ việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam" (Điểm g khoản 2 Điều 410):* Quy định khá chung chung: (1) thời điểm xác định tư cách công dân Việt Nam; (2) Tòa án Việt Nam có hay không thẩm quyền giải quyết trường hợp ly hôn mà cả nguyên đơn, bị đơn là công dân Việt Nam; (3) điều luật không loại trừ khả năng có tài sản là bất động sản ở nước ngoài và vụ việc sẽ có thể thuộc về thẩm quyền riêng biệt của Tòa án quốc gia nơi có bất động sản.

*Thứ bảy, thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam đối với tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển mà người vận chuyển có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại Việt Nam (điểm b khoản 1 Điều 411):* trường hợp khách hàng của hợp đồng vận chuyển là bị đơn mà việc kiện thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam thì không hợp lý và tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển mà người vận chuyển có quốc tịch nước ngoài nhiều khả năng thuộc về thẩm quyền xét xử riêng biệt của Tòa án quốc gia khác.

*Thứ tám, vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống ở Việt Nam (điểm c khoản 1 Điều 411):* Tiêu chí xác định thẩm quyền ở đây là nơi cư trú của vợ chồng vào thời điểm ly hôn và chỉ giới hạn đối với các "vụ án" nên sẽ không áp dụng đối với trường hợp thuận tình ly hôn.

*Thứ chín, "yêu cầu Tòa án Việt Nam tuyên bố công dân Việt Nam mất tích, đã chết nếu việc tuyên bố đó có liên quan đến việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trên lãnh thổ Việt Nam" (điểm d khoản 2 Điều 411 BLTTDS):* cụm từ "xác lập quyền và nghĩa vụ của họ" gây khó hiểu, có hai loại ý kiến: i) xác lập quyền và nghĩa vụ là xác lập quyền, nghĩa vụ cho người có yêu cầu; ii) xác lập quyền và nghĩa vụ là xác lập quyền, nghĩa vụ cho người mất tích, đã chết.

Sự không thống nhất, thiếu tính đồng bộ giữa các đạo luật (BLTTDS và các luật chuyên ngành) trong quy định về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN:



*Thứ nhất*, về tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam thì các đạo luật có các tiêu chí chưa được ghi nhận tại BLTTDS (tiêu chí tài sản liên quan đến quan hệ có tranh chấp ở tại Việt Nam theo khoản 3 Điều 260 Bộ luật Hàng hải năm 2005; tiêu chí nơi cư trú chính và thường xuyên tại Việt Nam của hành khách vào thời điểm xảy ra tai nạn theo khoản 3 Điều 172 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2006). Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 411 BLTTDS năm 2004 thuộc thẩm quyền xét xử riêng biệt của Tòa án Việt Nam, nhưng theo Điều 260 Bộ luật Hàng hải năm 2005 và Điều 172 Luật Hàng không dân dụng năm 2006 thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền xét xử chung.

*Thứ hai*, sự không thống nhất giữa BLTTDS với Bộ luật Hàng hải, Luật Đầu tư... về quy định thẩm quyền của Tòa án theo thỏa thuận lựa chọn của đương sự.

*Những quy định còn thiếu và chưa tương thích, phù hợp với các Điều ước quốc tế về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài như:*

*Thứ nhất*, thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN trong trường hợp "Bị đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam hoặc có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam" (điểm b khoản 2 Điều 410) chưa hợp lý so với quy định của Liên minh châu Âu chỉ quy định về nơi cư trú.

*Thứ hai*, ngoài trường hợp cụ thể tại điểm c khoản 2 Điều 410 thì còn có một số quan hệ khác như quan hệ lao động, quan hệ tiêu dùng và quan hệ dịch vụ chưa được ghi nhận trong BLTTDS Việt Nam với tính chất là ngoại lệ như đã tồn tại trong quy định của Công ước La Haye về thỏa thuận lựa chọn Tòa án 2005 (điểm b, khoản 1 Điều 2), pháp luật Cộng đồng chung Châu Âu (Brussels Convention 2002 Điều 3 section 2 chương 2, Điều 19...).

*Thứ ba*, một số quy định được ghi nhận trong điều ước quốc tế nhưng không được quy định trong văn bản pháp luật trong nước (ví dụ: nguyên tắc thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các bên đương sự được quy định tại HĐTTTP giữa Việt Nam - Nga, HĐTTTP giữa Việt Nam - Ucraina).

### **3.2.3. Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo thỏa thuận lựa chọn của các đương sự**

Pháp luật Việt Nam cũng như các nước ở mức độ nhất định đều cho phép các bên đương sự lựa chọn cơ quan tài phán để giải quyết tranh chấp, nếu sự lựa chọn đó phù hợp với quy định của pháp luật. Quy định thỏa thuận chọn Tòa án trong các vụ việc dân sự có YTNN quy định khá cụ thể trong các điều ước quốc tế như: Công ước La Haye năm 2005. BLTTDS năm 2004 không có quy định nào về thỏa thuận, lựa chọn Tòa án nước ngoài của các bên tranh chấp. Trong khi đó, một số HĐTTTP đã có quy định cho phép các bên lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp khác với Tòa án Việt Nam và các văn bản pháp luật chuyên ngành...

### **3.3. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án Việt Nam liên quan đến hoạt động trọng tài thương mại nước ngoài**

Những việc dân sự liên quan đến hoạt động Trọng tài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm: (i) Chỉ định, thay đổi Trọng tài viên; (ii) Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; và (iii) Hủy quyết định trọng tài; và (iv) Các việc dân sự khác như: yêu cầu giải quyết khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài về thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời... Tại khoản 5 điều 5 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC xác định thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động của Trọng tài nước ngoài như sau: i) Trọng tài nước ngoài tiến hành việc giải quyết tranh chấp và có yêu cầu Tòa án Việt Nam hỗ trợ hoạt động thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền đối với hoạt động của Trọng tài nước ngoài, theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại. Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc của Trọng tài nước ngoài quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Luật trọng tài thương mại. Phán quyết của Trọng tài nước ngoài được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo quy định của BLTTDS.

### ***Kết luận chương 3***

- *Về kỹ thuật lập pháp*: phương pháp liệt kê kết hợp với phương pháp quy dẫn trong BLTTDS và một số văn bản pháp luật khác chưa được sử dụng khoa học dẫn đến những bất cập, vướng mắc khi áp dụng.

- *Về tính đồng bộ trong quy định giữa các văn bản pháp luật*: Một số văn bản pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực quy định khác BLTTDS dẫn đến tình trạng chông chéo, tản mạn của các quy định pháp luật.

- *Về nội dung quy định trong các điều luật cụ thể*: BLTTDS và các văn bản pháp luật liên quan có xu hướng liệt kê càng nhiều càng tốt, nhưng các trường hợp liệt kê không dựa trên một căn cứ thống nhất, gây ra sự chông chéo của các trường hợp được liệt kê cũng như phát sinh những trường hợp không phù hợp.

### ***Chương 4***

## **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG TRONG THỰC TIỄN**

### **4.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

- Hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.
- Hoàn thiện pháp luật gắn liền với việc bảo đảm quyền tiếp cận công lý của công dân, đảm bảo cho "Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm".
- Hoàn thiện pháp luật phải gắn liền với việc hoàn thiện pháp luật hỗ trợ tư pháp.
- Hoàn thiện pháp luật phải đặt trong bối cảnh hội nhập với các nước.

### **4.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

- Định hướng chung: Hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN theo đúng Nghị quyết số 49/NQ-TW

ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 ghi nhận nhằm "xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

- Đánh giá sự hoàn thiện pháp luật phải có tính đồng bộ, có khả năng áp dụng pháp luật vào thực tiễn phải được nâng cao, phải có khả năng dự báo trong tương lai, phù hợp với pháp luật quốc tế.

### **4.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án Việt Nam**

#### **4.3.1. Xúc tiến việc ký kết và gia nhập các Điều ước quốc tế về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

Xúc tiến việc đề xuất tham gia Hội nghị La Haye về TPQT, chủ động huy động và tận dụng thêm nguồn hỗ trợ quốc tế để tổ chức tại Việt Nam các hội nghị, hội thảo quốc tế về TPQT, nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc gia nhập một số Công ước của Hội nghị La Haye về TPQT, đẩy nhanh việc ký kết các HĐTTTP với các nước.

#### **4.3.2. Sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự, các văn bản pháp luật liên quan khác, tiến tới xây dựng Luật tư pháp quốc tế**

4.3.2.1. *Giải pháp khắc phục những hạn chế liên quan đến kỹ thuật xây dựng quy phạm pháp luật*

- Sửa đổi khoản 1 Điều 410 BLTTDS 2004 như sau: "*Trong trường hợp Chương này không có quy định thì các quy định tại Chương III cũng như các quy định khác của Bộ luật này và của các văn bản pháp luật khác có liên quan cũng được áp dụng để xác định thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án Việt Nam*".

- Sửa đổi khoản 2 Điều 410 BLTTDS năm 2004 để hoàn thiện phương pháp liệt kê trong xác định thẩm quyền: xây dựng lại theo hướng chỉ sử dụng những tiêu chí chung để xác định thẩm quyền. Đối với những trường hợp cụ thể chúng ta có hai phương án lựa chọn: i). Tách ra thành một khoản riêng với những quy định riêng; ii). Đưa vào quy định của khoản 2 Điều 410 thành những trường hợp ngoại lệ bên cạnh những trường hợp chung.

- Cần điều chỉnh lại cấu trúc của Điều 410 hiện hành theo hướng quy định những trường hợp cụ thể trước, áp dụng phương pháp quy dẫn sau. Luận án đã đề xuất hai phương án cụ thể.

4.3.2.2 *Xây dựng nguyên tắc thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài*

Cần chính thức quy định nguyên tắc thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết các tranh chấp dân sự có YTNN tại BLTTDS với tư cách là một nguyên tắc chung của tố tụng dân sự quốc tế.

4.3.2.3. *Giải pháp hoàn thiện nội dung của các quy định cụ thể*

*Thứ nhất*, sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 410 BLTTDS thành "*Bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc vụ việc liên quan đến hoạt động của cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài*".

*Thứ hai*, sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 410 BLTTDS là "*Bị đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch có nơi thường trú, tạm trú tại Việt Nam hoặc có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam*".

*Thứ ba*, sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 410 BLTTDS thành "*Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc có nơi cư trú tại Việt Nam*".

*Thứ tư*, sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 410 BLTTDS thành "*Tranh chấp phát sinh liên quan đến việc thực hiện hợp đồng trên lãnh thổ Việt Nam*".

*Thứ năm*, sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 410 BLTTDS thành "*Vụ việc ly hôn mà một bên đương sự là công dân Việt Nam hoặc cả hai bên đều là công dân Việt Nam nhưng đã đăng ký kết hôn ở nước ngoài mà không có tranh chấp về tài sản ở nước ngoài khi ly hôn*".

*Thứ sáu*, sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 411 BLTTDS năm 2004 thành "*Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển được thực hiện tại Việt Nam mà người vận chuyển có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại Việt Nam*".

*Thứ bảy*, sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 411 BLTTDS thành "*Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống ở Việt Nam và không có tranh chấp về tài sản ở nước ngoài*".

*Thứ tám*, sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 411 thành "*Người có quốc tịch nước ngoài, người không có quốc tịch yêu cầu Tòa án Việt Nam tuyên bố công dân Việt Nam mất tích, đã chết nếu việc tuyên bố đó có liên quan đến việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trên lãnh thổ Việt Nam*".

Sửa đổi, bổ sung về khái niệm việc dân sự: "*Việc dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức không có tranh chấp, nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của mình hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác; yêu cầu Tòa án công nhận cho mình quyền về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng lệ phí theo quy định của pháp luật (hoặc được miễn nộp tạm ứng lệ phí) và Tòa án đã thụ lý*".

4.3.2.4. *Xây dựng Luật tư pháp quốc tế*

Những quy phạm TPQT của Việt Nam đang nằm tản mạn, manh mún trong nhiều văn bản pháp luật, thậm chí giữa các văn bản còn có sự mâu thuẫn. Để tránh được những nhược điểm trên cần xây dựng Bộ luật TPQT riêng.

**4.3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

- Tăng cường hợp tác quốc tế của hệ thống Tòa án.
- Các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật: Nâng cao nhận thức về nghĩa vụ thực hiện các cam kết quốc tế; thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung cơ bản của TPQT Việt Nam cũng như các Điều ước quốc tế trong lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên; bồi dưỡng, nâng cao trình độ về TPQT cho các cán bộ...

#### **Kết luận chương 4**

Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTNN là yêu cầu cấp thiết do một số quy định của

BLTTDS và các văn bản pháp luật chuyên ngành bộc lộ những điểm hạn chế, thiếu tính đồng bộ. Chúng ta phải tiến hành đồng bộ các giải pháp từ việc xúc tiến việc ký kết và gia nhập các Điều ước quốc tế đến việc sửa đổi, bổ sung BLTTDS, các văn bản pháp luật liên quan khác, pháp điển hóa xây dựng Luật TPQT. Bên cạnh đó, chúng ta triển khai các giải pháp tăng cường năng lực của hệ thống Tòa án Việt Nam trong việc thực hiện thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự có YTN.

## KẾT LUẬN

Việc xây dựng pháp luật về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN đòi hỏi phải đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế, với những chuẩn mực pháp lý quốc tế, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Đảng ta rất quan tâm đến hội nhập pháp luật quốc tế, trong đó có pháp luật về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN. Nhà nước ta cũng chú trọng xây dựng pháp luật hội nhập quốc tế thể hiện ở việc tăng cường ký kết các HĐTTP, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, trong đó có pháp luật về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN.

BLTTDS đã có những quy định chung, riêng biệt về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN song hiện vẫn còn tồn tại những bất cập, hạn chế. Có những quy định còn chồng chéo, có quy định chưa đầy đủ, khó thực hiện. Về kỹ thuật lập pháp còn chưa chặt chẽ, thiếu logic và còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Các quy định của BLTTDS và một số luật chuyên ngành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN còn chưa thống nhất; còn có quy định khác nhau. Bên cạnh đó, có một số điều ước quốc tế tiến bộ thì Nhà nước ta chưa gia nhập.

Trong khuôn khổ giới hạn về số trang, tác giả đã trình bày làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, yêu cầu của việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự

có YTN, trình bày những khái niệm về vụ việc dân sự có YTN, thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN, khái quát về sự hình thành, phát triển của pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN, những tiêu chí, phương pháp, nguyên tắc xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN; pháp luật hiện hành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN, những vướng mắc, bất cập từ thực tiễn áp dụng; đồng thời luận án cũng đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN.

Trên cơ sở đó, tác giả đề nghị tiến hành đồng bộ các giải pháp như: Xúc tiến việc ký kết và gia nhập các điều ước quốc tế có quy định thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN, trong đó xúc tiến gia nhập các Công ước La Haye về TPQT, tiếp tục tiến hành các thủ tục nhằm đẩy nhanh việc ký kết các HĐTTP với các nước (đặc biệt là các nước khác có đông người Việt Nam sinh sống hoặc có nhiều tranh chấp dân sự phát sinh); hoàn thiện pháp luật của Việt Nam về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN thông qua việc pháp điển hóa xây dựng Luật TPQT và sửa đổi bổ sung BLTTDS, các văn bản pháp luật liên quan khác. Trong đó, tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định của BLTTDS về giải quyết các vụ việc dân sự có YTN theo hướng khắc phục những điểm bất cập, hạn chế và thiếu sót cả trên phương diện kỹ thuật lập pháp và nội dung các quy định cụ thể. Bên cạnh đó, cần xây dựng nguyên tắc thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có YTN. Đồng thời với việc hoàn thiện các quy định trong BLTTDS, cần rà soát tất cả các quy định liên quan tới việc xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có YTN trong các văn bản pháp luật hiện hành và sửa đổi, bổ sung kịp thời để tạo lập một hệ thống các quy định thống nhất, đồng bộ và tương đối đầy đủ. Đồng thời cũng cần triển khai các giải pháp tăng cường năng lực của Tòa án Việt Nam và các cơ quan khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng về thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự có YTN của Tòa án Việt Nam.